TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DH** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DH, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Đỗ Kim Phụng

***- T ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, T ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 2004. Địa chỉ: Ấp PM, xã DTA, huyện DH, tỉnh BL. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nh, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Lung Lá, xã DTA, huyện DH, tỉnh BL. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T, trình bày: Vào năm 2024, chị T và anh Nh tự nguyện xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DTA, huyện DH, tỉnh BL, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 10 tháng 10 năm 2024. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Nh chưa có con chung. Về tài sản chung, chị T xác định có tài sản chung là 03 lượng vàng 24K được gia đình chồng cho trong ngày cưới nhưng khi ly hôn chị không có yêu cầu giải quyết do tự thỏa thuận với anh Nh. Về nợ chung, chị T và anh Nhân không phát sinh nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh Nh liên tục xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ nguyên nhân anh Nh nghe lời mẹ ruột và nói những lời tổn Tơng chị T. Ngoài ra, anh Nhân có thái độ không lễ phép khi giao tiếp với cha mẹ ruột của chị T. Vấn đề này chị T đã trao đổi với anh Nhân nhưng không có kết quả dẫn đến việc chị T quyết định sống ly thân với anh Nhân từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh Nhân có trao đổi, hàn gắn nhưng cả hai không đoàn tụ được. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nhân. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nh trình bày ý kiến: Anh Nhân và chị T tự nguyện xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2024, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DTA, huyện DH, tỉnh BL, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Sau khi cưới, anh Nhân và chị T sống chung nhà cùng cha mẹ ruột anh Nhân nhưng được vài tháng thì chị T yêu cầu được cất nhà ra ở riêng vì cho rằng mẹ ruột anh Nhân khó khăn, Tờng xuyên nhắc nhở, rầy la chị T trong vấn đề sinh hoạt của gia đình. Ngoài ra, chị T cũng cho rằng anh Nhân nghe lời mẹ ruột mà không yêu Tơng chị T nhưng anh Nhân biết mọi lý do chị T đưa ra là để đạt được thỏa thuận ra ở riêng nhưng anh Nhân không đồng ý dẫn đến việc chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột và cả hai sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì mọi trao đổi với chị T không có hiệu quả. Trong quá trình sống chung, anh Nhân và chị T chưa có con chung. Về tài sản chung, anh Nhân và chị T có được 03 lượng vàng bao gồm cả vàng 24K và vàng 18K được cha mẹ anh Nhân cho trong ngày cưới nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị T không có nợ chung. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh Nhân yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, T ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, T ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Nhân, xử cho chị T được ly hôn với anh Nhân. Về con chung, chị T và anh Nhân chưa có con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nhân và hiện nay anh Nhân cư trú tại ấp Lung Lá, xã DTA, huyện DH, tỉnh BL nên Tòa án nhân dân huyện DH thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Hồng T, anh Nh đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Nhân.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Nhân tự nguyện xây dựng hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DTA, huyện DH, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 10 tháng 10 năm 2024 nên hôn nhân giữa chị T và anh Nhân là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T xác định sau thời gian sống chung khoảng 05 tháng thì giữa chị T và anh Nhân liên tục nảy sinh những bất đồng. Mâu thuẫn giữa cả hai đến từ việc chị T khó hòa hợp khi sống chung với gia đình chồng do những khác biệt trong sinh hoạt hằng ngày. Ngoài ra, anh Nhân không thấu hiểu, quan tâm, động viên chị T. Điều này ảnh hưởng đến tâm lý của chị T khi không có chồng bên cạnh đồng hành, chia sẻ trong hôn nhân. Về phía anh Nhân, anh cũng thừa nhận trong quá trình chung sống với chị T cũng xảy ra một số mâu thuẫn, cụ thể xuất phát từ việc chị T yêu cầu cất nhà ra ở riêng, việc này đối với anh là không khả thi trong khi vợ chồng còn rất trẻ, mới cưới nhau được vài tháng, chưa có kinh tế để đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở. Mặc khác, chị T không cố gắng hòa nhập khi về sống chung với gia đình chồng mà luôn suy nghĩ tiêu cực khi người thân trong gia đình nhắc nhở về cách sinh hoạt, giao tiếp. Sau những mâu thuẫn phát sinh, chị T và anh Nhân cũng đã trao đổi, khuyên bảo nhau nhưng không có kết quả. Chị T và anh Nhân đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay.

Qua nội dung biên bản xác minh địa phương vào ngày 09/5/2025 và biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Hồ Văn Cuôl là cha ruột của anh Nhân, xác định được hiện nay chị T và anh Nhân đã sống ly thân với nhau, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Nhân có xảy ra mâu thuẫn, cả hai gia đình đều biết nhưng không có biện pháp hàn gắn hiệu quả. Điều này phù hợp với lời khai của chị T và anh Nhân trong quá trình làm việc với Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu Tơng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển. Mặc dù anh Nhân không đồng ý ly hôn và có yêu cầu đoàn tụ nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nhân là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Nhân, xử cho chị T được ly hôn với anh Nhân.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nh chưa có con chung nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh Nhân cùng xác định trong quá trình chung sống không phát sinh nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006736 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL nên được chuyển thu án phí.

[8] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng T đối với anh Nh. Xử cho chị Nguyễn Hồng T được ly hôn với anh Nh.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nh chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nh tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T và anh Nh xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Hồng T phải nộp 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai

thu số 0006736 ngày 21 tháng 4 năm 2025, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- UBND xã DTA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Huỳnh Ngọc Nhiều